

## I. NGÀNH KẾ TOÁN

Mã ngành, nghề: 6340301  
Trình độ đào tạo: Cao đẳng  
Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương  
Thời gian khóa học: 2.5 năm

### 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Chương trình đào tạo Kế toán trình độ Cao đẳng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, lý thuyết chuyên sâu và kiến thức thực tế trong phạm vi của nghề Kế toán. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản. Người học có đủ phẩm chất, khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn kế toán, tổ chức công tác kế toán tại đơn vị, tạo khả năng ứng dụng và kỹ năng triển khai các công việc thuộc lĩnh vực kế toán. Đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường và xã hội hiện nay.

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kế toán trình độ cao đẳng có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản và nâng cao về kinh tế và kế toán, có khả năng ứng dụng về công nghệ thông tin trong việc thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và quản lý tài chính tại các loại hình doanh nghiệp.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### Về kiến thức:

- + Trình bày các vấn đề về chuyên môn kế toán.
- + Áp dụng các chế độ và chuẩn mực kế toán để tác nghiệp vào các phần hành kế toán.
- + Áp dụng các chỉ số tài chính trong quá trình phân tích báo cáo kế toán.

##### Về kỹ năng:

- + Xử lý quy trình chứng từ từ khâu nhận/lập đến lưu trữ.
- + Sử dụng các phần mềm chuyên ngành kế toán trong hạch toán kế toán, lập báo cáo thuế và báo cáo kế toán tại đơn vị.
- + Ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các sai phạm về kế toán.
- + Phân tích và tư vấn tình hình tài chính của đơn vị với nhà quản lý.

##### Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:

- + Trung thực và thận trọng trong công tác chuyên môn.
- + Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn
- + Tuân thủ nội quy của đơn vị.
- + Đoàn kết, hòa nhã và hợp tác với đồng nghiệp.

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học ngành Kế toán có rất nhiều lựa chọn hấp dẫn về việc làm. Tốt nghiệp ra trường, người học có thể đảm nhận các vị trí như: chuyên viên phụ trách kế toán, giao dịch viên ngân hàng, nhân viên thuế, nhân viên tư vấn về kế toán - tài chính và kế toán trưởng khi đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm.

Với các công việc trên, người học ngành kế toán có thể khẳng định năng lực của mình tại:

- Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như thương mại, sản xuất, xây dựng, dịch vụ.
- Đơn vị hành chính như : cơ quan thuế, UBND xã phường, cơ quan thống kê, cơ quan tài chính...
- Đơn vị sự nghiệp như: trường học, bệnh viện...
- Tổ chức tín dụng: ngân hàng, quỹ tín dụng.

### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2205 (giờ/tín chỉ)**

- Số lượng môn học, mô đun: **25**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **1.770** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: **485** (giờ); thực hành, thực tập: **1.720** (giờ/tín chỉ)

## 6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/ Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH01	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
MH02	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
MH03	Tin học	3	75	15	58	2
MH04	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH05	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH07	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>					
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	<b>14</b>	<b>255</b>	<b>103</b>	<b>140</b>	<b>12</b>
MH 08	Nguyên lý thống kê	2	45	15	28	2
MH 09	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
MH 10	Quản trị doanh nghiệp	2	45	15	28	2
MH 11	Luật kinh tế	2	30	28	0	2
MH 12	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
MH 13	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	<b>28</b>	<b>615</b>	<b>210</b>	<b>391</b>	<b>14</b>
MĐ 14	Nguyên lý kế toán	5	120	30	88	2
MĐ 15	Kế toán tài chính 1	5	105	45	58	2
MĐ 16	Kế toán tài chính 2	5	105	45	58	2
MĐ 17	Kế toán tài chính 3	5.0	105	45	58	2
MĐ 18	Kế toán HSCN	2.0	45	15	28	2
MĐ 19	Kế toán máy	3	75	15	58	2
MĐ 20	Tài chính doanh nghiệp	3	60	15	43	2
II.3	Các mô đun thực tập	<b>19</b>	<b>855</b>	<b>0</b>	<b>855</b>	<b>0</b>

MĐ 21	Thực tập cơ sở 1	3	135	0	135	0
MĐ 22	Thực tập cơ sở 2	3	135	0	135	0
MĐ 23	Thực tập cơ sở 3	3	135	0	135	0
MĐ 24	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	450	0
II.4	Các môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	<b>2</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>2</b>
MH 25a	Kế toán thuế	2	45	15	28	2
MH 25b	Hệ thống thông tin kế toán	2	45	15	28	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>80</b>	<b>2205</b>	<b>485</b>	<b>1669</b>	<b>51</b>

## II. NGÀNH KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Mã ngành, nghề: 6340302  
 Trình độ đào tạo: Cao đẳng  
 Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương  
 Thời gian khóa học: 2.5 năm

### 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Chương trình đào tạo Kế toán doanh nghiệp trình độ Cao đẳng cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, lý thuyết chuyên sâu và kiến thức thực tế trong phạm vi của nghề Kế toán doanh nghiệp. Bên cạnh đó, chương trình đào tạo đảm bảo cho người học sau khi tốt nghiệp có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản. Người học có đủ phẩm chất, khả năng giải quyết các vấn đề chuyên môn kế toán, tổ chức công tác kế toán tại đơn vị, tạo khả năng ứng dụng và kỹ năng triển khai các công việc thuộc lĩnh vực kế toán. Đồng thời có khả năng học tập, nghiên cứu để nâng cao trình độ nhằm đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp trong điều kiện của nền kinh tế thị trường và xã hội hiện nay.

### 2. Mục tiêu đào tạo

#### 2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân kế toán trình độ cao đẳng có kiến thức chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp cơ bản và nâng cao về kinh tế và kế toán, có khả năng ứng dụng về công nghệ thông tin trong việc thực hiện các nhiệm vụ về kế toán và quản lý tài chính tại các loại hình doanh nghiệp.

#### 2.2. Mục tiêu cụ thể

##### **Về kiến thức:**

- + Trình bày các vấn đề về chuyên môn kế toán.
- + Áp dụng các chế độ và chuẩn mực kế toán để tác nghiệp vào các phần hành kế toán.
- + Áp dụng các chỉ số tài chính trong quá trình phân tích báo cáo kế toán.

##### **Về kỹ năng:**

- + Xử lý quy trình chứng từ từ khâu nhận/lập đến lưu trữ.
- + Sử dụng các phần mềm chuyên ngành kế toán trong hạch toán kế toán, lập báo cáo thuế và báo cáo kế toán tại đơn vị.
- + Ngăn ngừa, phát hiện và xử lý các sai phạm về kế toán.
- + Phân tích và tư vấn tình hình tài chính của đơn vị với nhà quản lý.

##### **Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- + Trung thực và thận trọng trong công tác chuyên môn.
- + Có ý thức trách nhiệm công dân, có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn

- + Tuân thủ nội quy của đơn vị.
- + Đoàn kết, hòa nhã và hợp tác với đồng nghiệp.

### 3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Người học ngành Kế toán có rất nhiều lựa chọn hấp dẫn về việc làm. Tốt nghiệp ra trường, người học có thể đảm nhận các vị trí như: chuyên viên phụ trách kế toán, giao dịch viên ngân hàng, nhân viên thuế, nhân viên tư vấn về kế toán - tài chính và kế toán trưởng khi đủ tiêu chuẩn bổ nhiệm.

Với các công việc trên, người học ngành kế toán có thể khẳng định năng lực của mình tại:

- Các doanh nghiệp thuộc các lĩnh vực như thương mại, sản xuất, xây dựng, dịch vụ.
- Đơn vị hành chính như : cơ quan thuế, UBND xã phường, cơ quan thống kê, cơ quan tài chính...
- Đơn vị sự nghiệp như: trường học, bệnh viện...
- Tổ chức tín dụng: ngân hàng, quỹ tín dụng.

### 4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2205** (giờ/tín chỉ)
- Số lượng môn học, mô đun: **25**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **1.770** (giờ/tín chỉ)
- Khối lượng lý thuyết: **528** (giờ); thực hành, thực tập: **1.677** (giờ/tín chỉ)

### 6. Nội dung chương trình

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH01	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
MH02	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
MH03	Tin học	3	75	15	58	2
MH04	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH05	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH07	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>					
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	<b>14</b>	<b>255</b>	<b>103</b>	<b>140</b>	<b>12</b>
MH 08	Nguyên lý thống kê	2	45	15	28	2
MH 09	Marketing căn bản	2	45	15	28	2
MH 10	Quản trị doanh nghiệp	2	45	15	28	2
MH 11	Luật kinh tế	2	30	28	0	2
MH 12	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
MH 13	Kinh tế vi mô	2	45	15	28	2

II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	<b>28</b>	<b>615</b>	<b>210</b>	<b>391</b>	<b>14</b>
MĐ 14	Nguyên lý kế toán	5	120	30	88	2
MĐ 15	Kế toán tài chính 1	5	105	45	58	2
MĐ 16	Kế toán tài chính 2	5	105	45	58	2
MĐ 17	Kế toán tài chính 3	5.0	105	45	58	2
MĐ 18	Kế toán HSCN	2.0	45	15	28	2
MĐ 19	Kế toán máy	3	75	15	58	2
MĐ 20	Tài chính doanh nghiệp	3	60	15	43	2
II.3	Các mô đun thực tập	19	855	0	855	0
MĐ 21	Thực tập cơ sở 1	3	135	0	135	0
MĐ 22	Thực tập cơ sở 2	3	135	0	135	0
MĐ 23	Thực tập cơ sở 3	3	135	0	135	0
MĐ 24	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	450	0
II.4	Các môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	2	45	15	28	2
MH 25a	Kế toán thuế	2	45	15	28	2
MH 25b	Hệ thống thông tin kế toán	2	45	15	28	2
<b>Tổng cộng</b>		<b>80</b>	<b>2205</b>	<b>485</b>	<b>1669</b>	<b>51</b>

### III. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

Mã ngành, nghề: 6340404  
 Trình độ đào tạo: Cao đẳng  
 Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương  
 Thời gian khóa học: 2.5 năm

#### 1. Giới thiệu chương trình/mô tả ngành, nghề đào tạo

Quản trị kinh doanh trình độ cao đẳng là một ngành, nghề có sự kết hợp của khoa học và nghệ thuật quản lý – kinh doanh. Đây là ngành, nghề hỗ trợ phát triển tối đa tư duy hệ thống trong quản lý và cải tiến hiệu quả hệ thống sản phẩm hàng hóa, dịch vụ nhằm đáp ứng nhu cầu xã hội.

Ngành, nghề Quản trị kinh doanh thực hiện việc duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh của tổ chức, bao gồm việc cân nhắc, tạo ra hệ thống, quy trình và tối đa hóa hiệu quả hoạt động, “quản lý hoạt động kinh doanh” bằng quá trình tư duy và ra quyết định của nhà quản trị.

#### 2. Mục tiêu đào tạo

##### 2.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo người học có phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp; nắm vững kiến thức cơ bản và chuyên sâu về công tác, nghiệp vụ quản lý trong doanh nghiệp, có tư duy khoa học, năng động, sáng tạo, có ý thức cộng đồng, có khả năng tự học tập và nghiên cứu để nâng cao trình độ.

- Sau khi tốt nghiệp cử nhân Quản Trị Kinh Doanh có đủ trình độ lý thuyết và nghiệp vụ để có thể: Công tác trong các bộ phận kinh doanh, lập các kế hoạch sản xuất, kế hoạch bán hàng...; Có khả năng khảo sát, nghiên cứu thị trường để đề ra các kế hoạch chương trình hành động liên quan đến thị trường như quảng cáo, khuyến mại, bán hàng...

##### 2.2. Mục tiêu cụ thể

**Kiến thức:**

Nắm được kiến thức chuyên sâu về QTKD như nghiên cứu thị trường, quản trị marketing, tổ chức kinh doanh hàng hóa - dịch vụ tại đơn vị công tác.

#### **Kỹ năng:**

Vận dụng được chuyên sâu về các lĩnh vực liên quan đến quản lý điều hành một doanh nghiệp như quản trị sản xuất và dịch vụ, quản trị nguồn nhân lực, quản trị tài chính, quản trị Marketing...

#### **Năng lực tự chủ và trách nhiệm:**

- Có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo, có ý thức và năng lực hợp tác trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.
- Thái độ cởi mở, trách nhiệm, sẵn sàng phục vụ khách hàng và đối tác kinh doanh.
- Rèn luyện tác phong công nghiệp, trung thực trong công tác, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

### **3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp người học có khả năng làm việc tại bộ phận quản trị chiến lược, nhân sự, dự án kinh doanh, bán hàng... Có thể tự khởi sự kinh doanh, tạo lập và quản lý doanh nghiệp của bản thân và gia đình

### **4. Khối lượng kiến thức và thời gian học tập**

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: **2115 (giờ/tín chỉ)**
- Số lượng môn học, mô đun: **28**
- Khối lượng học tập các môn học chung: **435 (giờ/tín chỉ)**
- Khối lượng học tập các môn học, mô đun chuyên môn: **1.680 (giờ/tín chỉ)**
- Khối lượng lý thuyết: **517 (giờ)**; thực hành, thực tập: **1.598 (giờ/tín chỉ)**

### **6. Nội dung chương trình**

Mã MH, MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/thực tập/thí nghiệm/thảo luận	Thi/Kiểm tra
<b>I</b>	<b>Các môn học chung</b>	<b>19</b>	<b>435</b>	<b>157</b>	<b>255</b>	<b>23</b>
MH01	Tiếng Anh 1	2	60	21	36	3
MH02	Tiếng Anh 2	2	60	21	36	3
MH03	Tin học	3	75	15	58	2
MH04	Giáo dục Chính trị	5	75	41	29	5
MH05	Pháp luật	2	30	18	10	2
MH06	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
MH07	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
<b>II</b>	<b>Các môn học, mô đun chuyên môn</b>					
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	<b>15</b>	<b>315</b>	<b>133</b>	<b>162</b>	<b>20</b>
MH 08	Nguyên lý thống kê	2.0	45	15	27	3
MH 09	Kinh tế vi mô	2.0	45	15	28	2
MH 10	Nguyên lý kế toán	3.0	60	30	26	4
MH 11	Marketing CB	2.0	45	15	27	3

MH 12	Luật kinh tế	2.0	45	15	27	3
MH 13	Kỹ năng giao tiếp	2.0	45	15	27	3
MH 14	Quản trị học	2.0	30	28	0	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn	<b>25</b>	<b>495</b>	<b>240</b>	<b>223</b>	<b>32</b>
MĐ 15	Kinh tế vĩ mô	3.0	45	30	12	3
MĐ 16	Thương mại điện tử	3.0	60	30	26	4
MĐ 17	Phân tích hoạt động kinh doanh	2.0	45	15	27	3
MĐ 18	Quản trị marketing	3.0	60	30	26	4
MĐ 19	Quản trị sản xuất- Dịch vụ	3.0	60	30	26	4
MĐ 20	Quản trị tài chính	3.0	60	30	26	4
MĐ 21	Quản trị chiến lược	3.0	60	30	26	4
MĐ 22	Quản trị bán hàng	3.0	60	30	26	4
MĐ 23	Quản trị nhân sự	2.0	45	15	28	2
II.3	Các mô đun thực tập	<b>19</b>	<b>855</b>	<b>0</b>	<b>855</b>	<b>0</b>
MĐ 24	Thực tập cơ sở 1	3	135	0	135	0
MĐ 25	Thực tập cơ sở 2	3	135	0	135	0
MĐ 26	Thực tập cơ sở 3	3	135	0	135	0
MĐ 27	Thực tập tốt nghiệp	10	450	0	450	0
II.4	Các môn học, mô đun tự chọn, nâng cao	<b>2</b>	<b>45</b>	<b>15</b>	<b>28</b>	<b>2</b>
MH 28a	Tài chính doanh nghiệp	2	45	30	12	3
MH 28b	Thuế	2	45	30	12	3
<b>Tổng cộng</b>		<b>80</b>	<b>2115</b>	<b>517</b>	<b>1523</b>	<b>75</b>